

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TARO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TARO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TARO TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TARO TECHNOLOGY., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110800224

**3. Ngày thành lập:** 01/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, Tòa nhà Licogi 13, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0779003428

Fax:

Email: tarovn2023@gmail.com

Website: <https://taro.edu.vn/>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                              | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                    | 4652     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                                         | 4659     |
| 4.  | Xuất bản phần mềm<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                         | 5820     |
| 5.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Dịch vụ truy cập internet<br>- Dịch vụ thư điện tử<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông<br>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động | 6190     |
| 6.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                            | 6201     |
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                              | 6202     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt phần mềm<br>- Dịch vụ điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin;<br>- Dịch vụ tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin<br>- Dịch vụ tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật<br>- Dịch vụ thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử;<br>- Dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin<br><br>- Dịch vụ cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu<br>- Dịch vụ chỉnh lý hồ sơ, số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu<br>- Dịch vụ kiểm thử phần mềm | 6209        |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép) ; - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6311        |
| 10. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312        |
| 11. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7221(Chính) |
| 12. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8220        |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230        |
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8559        |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>(Trừ Việc kiểm tra giáo dục, đánh giá việc kiểm tra giáo dục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8560        |
| 16. | Đào tạo sơ cấp<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531        |
| 17. | Đào tạo trung cấp<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532        |
| 18. | Đào tạo cao đẳng<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8533        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 02/08/2024 đến ngày 01/09/2024

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                          | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>ÁNH NGUYỆT | 63/515/13 Đường<br>Hoàng Hoa Thám,<br>Phường Vĩnh<br>Phúc, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        | 0011820478<br>03                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐẶNG BÙI<br>ANH ĐÀO      | 2402 Tháp T2<br>NơKdIhdvtm,<br>Ldd2.6NoL.V.L,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       | 0491930001<br>70                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                             | Tổng số                            | 25.000        | 250.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                         |                                                                                                                             |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>MAI HƯƠNG | Tổ 1, Phường Phú<br>Diễn, Quận Bắc<br>Tùng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                                                | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 0271830054<br>33 |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             |                                    |        |             |        |                  |
| 4 | TRẦN ĐỨC<br>MINH        | 2402 Tháp T2<br>NoKdIhdvtm,<br>Ldd2.6NoL.V.L,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 36.000 | 360.000.000 | 36,000 | 0400930319<br>45 |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             |                                    |        |             |        |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Tổng số                            | 36.000 | 360.000.000 | 36,000 |                  |
| 5 | BÙI THỊ LÝ              | Ch 2402 Tháp T2,<br>Lđ 2.6No Lê Văn<br>Lương, Phường<br>Nhân Chính,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 19.000 | 190.000.000 | 19,000 | 0441650015<br>80 |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                             |                                    |        |             |        |                  |
|   |                         |                                                                                                                             | Tổng số                            | 19.000 | 190.000.000 | 19,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **TRẦN ĐỨC MINH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/04/1993

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040093031945

Ngày cấp: 11/01/2023

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: 2402 Tháp T2 NơKdIhdvtm, Ldd2.6NoL.V.L, Phường Nhân Chính,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 2402 Tháp T2 NơKdIhdvtm, Ldd2.6NoL.V.L, Phường Nhân Chính,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội